

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 tháng 8 năm 2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quốc Bảo  
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Puih D, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: Làng N, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Trang Thị Thùy D - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Rơ Châm N, sinh năm 1971; địa chỉ nơi cư trú: Làng N, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Nguyên đơn Puih D trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Puih D và anh Rơ Châm N có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-9-2011, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Sau khi đăng ký kết hôn, chị Puih D và anh Rơ Châm N chung sống với nhau tại làng N, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Từ thời điểm vợ chồng chung sống với nhau thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh Rơ Châm N thường xuyên đi uống rượu, về nhà thì đánh đập, chửi bới chị Puih D. Anh Rơ Châm N không chịu làm ăn, không lo chăm sóc gia đình, vợ con mà thường xuyên tụ tập với bạn bè để uống rượu, chơi bời. Đến khoảng năm 2014 thì anh Rơ Châm N bỏ về nhà mẹ đẻ tại để sinh sống,

cũng từ thời điểm đó chị Puih D và N sống ly thân. Hiện tại cả chị D và anh N đều đã có cuộc sống riêng, chị D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị Puih D và anh Rơ Châm N có 01 (một) con chung, tên Puih N1, sinh ngày 20-4-2011. Chị Puih D yêu cầu được nuôi cháu Puih N1 và không yêu cầu anh Rơ Châm N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Puih D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Rơ Châm N đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng anh Rơ Châm N cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh Rơ Châm N.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 Bản sao chứng minh nhân dân của chị Puih D; 01 bản photo Sổ hộ khẩu của chị Puih D; 01 bản gốc giấy chứng nhận kết hôn của chị Puih D và anh Rơ Châm N; 01 bản sao Giấy khai sinh Puih N1; 01 Đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; 01 quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng; 01 biên bản xác minh ngày 08-01-2019 của Tòa án; 01 Biên bản lấy lời khai ngày 07-01-2019 của Tòa án; 01 Biên bản xác minh ngày 08-01-2019 của Tòa án; 01 Biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên ngày 08-01-2019 của Tòa án; 01 Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của chị Puih D.

4. Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn Puih D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do xin xét xử vắng mặt bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do xin xét xử vắng mặt; bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hôn nhân: Chị Puih D và anh Rơ Châm N có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-9-2011, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Puih D và anh Rơ Châm N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung anh Rơ Châm N thường xuyên đi uống rượu, về nhà thì đánh đập, chửi bới chị Puih D. Anh Rơ Châm N không chịu làm ăn, không lo chăm sóc gia đình, vợ con mà thường xuyên tụ tập với bạn bè để uống rượu, chơi bời. Đến khoảng năm 2014 thì anh Rơ Châm N bỏ về nhà mẹ đẻ tại để sinh sống, cũng từ thời điểm đó chị Puih D và anh Rơ Châm N sống ly thân. Hiện tại cả chị Puih D và anh Rơ Châm N đều đã có cuộc sống riêng. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Puih D và anh Rơ Châm N đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Puih D.

[3] Về con chung: Chị Puih D và anh Rơ Châm N có 01 con chung là cháu Puih N1, sinh ngày 20-4-2011. Chị Puih D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Puih N1 đến khi thành niên, không yêu cầu anh Rơ Châm N cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu nuôi con của chị Puih D phù hợp với nguyện vọng của cháu Puih N1, anh Rơ Châm N cũng không có ý kiến gì liên quan đến yêu cầu nuôi con của chị Puih D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Puih D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Puih D là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Puih D và anh Rơ Châm N.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Puih D và anh Rơ Châm N là cháu Puih N1, sinh ngày 20-4-2011 cho chị Puih D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Rơ Châm N đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Puih D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004985 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Puih D đã nộp đủ tiền án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu HSVA, THADS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**